

Bản án số: **488/2026/HS-ST**

Ngày: 24/6/2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Lệ Thủy;

- **Các Hội thẩm nhân dân:** Bà Dương Thị Bạch Phượng; Bà Nguyễn Thị Thanh Hậu;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Tuyết Nhi - Thư ký Tòa án;

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Hà Nội tham gia phiên tòa:**
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2026 tại Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 371/2026/HSST ngày 04/5/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 419/2026/QĐXXST-HS ngày 11/5/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 106/2026/HSST-QĐ ngày 29/5/2026 và Thông báo về việc thay đổi lịch phiên tòa xét xử vụ án hình sự số: 45/2026/TB-TA ngày 15/6/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Hà Nội đối với các Bị cáo:

1. Họ và tên: Đặng Đức T; Sinh năm 1988; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Địa chỉ nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố C, phường X, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Đặng Đức T1; Con bà: Dương Thị X (*Đã chết*); Gia đình Bị cáo có 05 anh em, Bị cáo là con thứ ba; Vợ/Con: Không; Trích lục tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không;

Bị cáo bị áp dụng Lệnh: “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”.

2. Họ tên: Nguyễn Văn Q; Sinh năm 1992; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Địa chỉ nơi đăng ký HKTT: Thôn L, xã T, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn H; Con bà: Nguyễn Thị H1; Gia đình Bị cáo có 02 chị em, Bị cáo là con thứ hai; Vợ/Con: Không; Trích lục tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 20/01/2022 Nguyễn Văn Q bị Công an huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: “*Cố ý gây thương tích*”, hình thức phạt tiền 6.500.000 đồng.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 04/02/2026, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố H;

3. Họ tên: Phạm T2; Sinh năm 1989; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Địa chỉ nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã Đ, thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự

do; Văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Phạm Đ; Con bà: Hoàng Thị D; Gia đình Bị cáo có 05 chị em, Bị cáo là con thứ 04 Vợ: Văn Thị H2; Bị cáo có 03 (*Con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2021*); Trích lục tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/02/2026, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố H;

4. Họ tên: Nguyễn Mạnh C; Sinh năm 1987; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Địa chỉ nơi đăng ký HKTT: Tổ A, xã L, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn K; Con bà: Nông Thị H3; Gia đình Bị cáo có 03 anh em, Bị cáo là con thứ 02; Vợ: Vy Thị Q1; Bị cáo có 01 con sinh năm 2010; Trích lục tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/02/2026, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố H;

(Các Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Hoàng Bá V; Sinh năm 1982; CCCD số: 026082001343 do Cục C1 về TTXH – Bộ C2 cấp ngày 03/5/2022; Địa chỉ nơi đăng ký HKTT: Xã T, tỉnh Phú Thọ; Địa chỉ nơi ở: Số D đường X, phường X, thành phố Hà Nội (*vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 15/9/2025, Phạm T2 cùng Nguyễn Văn Q, Nguyễn Mạnh C, anh Tống Viết D1 (*Sinh năm 1987; HKTT: Thôn N, xã T, tỉnh Thanh Hóa*) uống rượu tại xưởng cơ khí do anh Hoàng Bá V (*Sinh năm 1982; HKTT: Xã T, tỉnh Phú Thọ*) làm chủ tại số nhà D X, phường X, thành phố Hà Nội. Khoảng 19 giờ cùng ngày, cả nhóm uống rượu xong thì C đi ra ngoài còn T2, Q, Dương hát Karaoke trong xưởng. Do nhóm của C hát to gây ồn ào nên khoảng 21 giờ 20 phút, Đặng Đức T (*là hàng xóm ở số nhà D đường X, phường X, thành phố Hà Nội – đối diện xưởng của anh V*) sang nhắc nhở và yêu cầu tắt nhạc. Phạm Tài tắt nhạc và yêu cầu T đi về rồi kéo cửa cuốn xuống. Khoảng 05 phút sau, Nguyễn Mạnh C đi về xưởng. T đi về nhà thì thấy bên xưởng anh V vẫn hát nên T tiếp tục đi sang dùng chân đá vào cửa cuốn của xưởng rồi đi về. Anh Hoàng Bá V mở cửa nhưng không thấy ai. Khoảng 02 phút sau, anh V và Nguyễn Văn Q đi sang nhà T tại địa chỉ: số D đường X, phường X, thành phố Hà Nội để nói chuyện. Quyết và T xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau, anh V can ngăn Q. Sau đó, T lấy gậy phơi quần áo (*phần cán bằng nhôm kích thước khoảng 35cm, phần trên bằng nhựa kích thước khoảng 5cm*) lao ra đâm về phía người Quyết nhưng không trúng, Q dùng tay đâm vào mặt làm T ngã ra đất. Thấy vậy, T2 từ bên trong xưởng lấy 01 chiếc ghế bằng kim loại màu đen cao khoảng 50 cm chạy ra rồi dùng hai tay cầm 02 chân ghế đánh 01 phát vào đầu T. T2 bị mất thăng bằng, cả T và T2 ngã ra đất. Q tiếp tục lao vào T đâm tiếp nhưng không trúng vì T lúc này bị ngã, thấy vậy

anh V lôi Q ra. Sau đó, T2 tiếp tục đứng dậy, dùng hai tay cầm hai chân ghế ném về phía người Thịnh. Lúc này, Nguyễn Mạnh C cầm búa cán gỗ có đầu bằng sắt từ xưởng sắt chạy sang dùng búa đập về phía T nhưng lúc này T đã chạy vào nhà, đóng cổng lại nên búa của C đập vào cánh cửa cổng. C đập búa vào cổng 03 cái rồi đi về. Anh V vào can thì C đi về, còn T2 và Q tiếp tục chửi một lúc sau đó đi về. Sau đó, T được người nhà đưa đi khám tại Bệnh viện N. Sau khi nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, Công an phường X đã mời những người có liên quan về trụ sở làm việc.

Vật chứng tạm giữ của Phạm T2: 01 (Một) ghế bằng kim loại màu đen đã qua sử dụng, cao khoảng 43cm, mặt ghế hình tròn, đường kính 30cm, có 04 chân ghế bằng kim loại; **Tạm giữ của Nguyễn Mạnh C:** 01 (Một) chiếc búa dài khoảng 35cm có cán gỗ dài khoảng 33cm, đầu cán gỗ gắn đầu búa bằng kim loại dài khoảng 2cm, rộng 09cm; **Tạm giữ của anh Hoàng Bá V:** 01 (Một) gậy tự chế dài khoảng 110cm, có phần tay cầm bằng kim loại dài khoảng 40cm được nối với ống nhựa dài khoảng 65cm, trên đầu ống nhựa có hai đầu kim loại dài 05cm được bọc bằng dính màu đỏ.

Ngày 16/9/2025, Ủy ban nhân dân phường X có Công văn số 479/UBND-VP trả lời công văn số 208/CV-CAPXD – PCTP về việc: Đề nghị xử lý các đối tượng có hành vi gây rối trật tự công cộng xảy ra ngày 15/9/2025 gây bức xúc trong dư luận, hoang mang, lo lắng cho quần chúng nhân dân sống xung quanh cũng như ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn. Ủy ban nhân dân phường giao Công an phường X khẩn trương tiến hành điều tra làm rõ và xử lý nghiêm minh với các trường hợp đã có hành vi gây rối trật tự công cộng trên địa bàn phường, nhằm thể hiện tính răn đe, giáo dục của pháp luật cũng như đảm bảo tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Tại Cơ quan điều tra, Đặng Đức T, Nguyễn Văn Q, Phạm T2, Nguyễn Mạnh C khai nhận hành vi của các Bị cáo như trên.

Đối với hành vi của anh Hoàng Bá V: Anh V sang nhà Đặng Đức T để nói chuyện, không có bàn bạc trước với ai. Trong suốt quá trình xảy ra sự việc chỉ can ngăn, không tiếp nhận ý chí, không tham gia vào việc đánh nhau gây rối trật tự công cộng của các Bị cáo, không có căn cứ để xử lý về tội: “*Gây rối trật tự công cộng*”. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập, xử lý.

Đối với hành vi đánh, gây thương tích cho nhau của các đối tượng: Có Nguyễn Văn Q dùng tay chân không đánh Đặng Đức T, Phạm T2 dùng ghế sắt đập vào đầu T. Quá trình điều tra, Đặng Đức T từ chối giám định thương tích, không đề nghị xử lý cũng như không yêu cầu bồi thường về trách nhiệm dân sự. Hành vi của Nguyễn Văn Q, Phạm T2, Nguyễn Mạnh C không cấu thành tội: “*Cố ý gây thương tích*” nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Theo Cáo trạng số: 168/CT-VKSKV4 ngày 29/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Hà Nội truy tố Bị cáo Đặng Đức T, Nguyễn Văn Q, Phạm T2

và Nguyễn Mạnh C về tội: “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự. Điều luật quy định như sau:

“Điều 318. Tội gây rối trật tự công cộng

1. Người nào gây rối trật tự công cộng gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:...

b) Dùng ...hung khí ...”

Tại phiên toà: Bị cáo Đặng Đức T, Nguyễn Văn Q, Phạm T2 và Nguyễn Mạnh C thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của các Bị cáo và xác nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Hà Nội truy tố các Bị cáo về tội: “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự là đúng với hành vi các Bị cáo đã thực hiện và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các Bị cáo đã rất ăn năn hối lỗi về hành vi của các Bị cáo và hứa không tái phạm, các Bị cáo đề nghị Hội đồng cho các Bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật, giảm nhẹ một phần hình phạt, cho các Bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng là bài học sâu sắc cho các Bị cáo để trở thành công dân tốt cho xã hội.

Luận tội của Kiểm sát viên: Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, đánh giá nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Bị cáo Đặng Đức T, Nguyễn Văn Q, Phạm T2 và Nguyễn Mạnh C, Kiểm sát viên đã kết luận: Giữ quan điểm như cáo trạng đã truy tố đối với Bị cáo: Đặng Đức T, Nguyễn Văn Q, Phạm T2 và Nguyễn Mạnh C về tội: “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các Bị cáo như sau: Bị cáo Đặng Đức T, Phạm T2 và Nguyễn Mạnh C trước khi phạm tội đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu; Bị cáo Nguyễn Văn Q không có tiền án, có 01 tiền sự đã hết thời hiệu; Sau khi phạm tội, các Bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Các Bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn và là lao động chính trong gia đình; Gia đình Bị cáo C có công với Cách mạng nên các Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Các Bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự; Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các Bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự, không cần phải bắt các Bị cáo chấp hành hình phạt tù, cho các Bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách, giao các Bị cáo về UBND nơi các Bị

cáo cư trú để giám sát giáo dục các Bị cáo trong thời gian thử thách cũng có tác dụng giáo dục các Bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Về hình phạt chính: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 318; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các Bị cáo mức hình phạt như sau: Đề nghị mức hình phạt đối với Bị cáo T và T2: Từ 30 đến 34 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng kể từ ngày tuyên án; Đề nghị mức hình phạt đối với Bị cáo Q và C từ 28 đến 32 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 56 đến 60 tháng kể từ ngày tuyên án; Đề nghị Hội đồng xét xử giao các Bị cáo được hưởng án treo về UBND xã/phường nơi các Bị cáo cư trú về nơi cư trú để giám sát, giáo dục các Bị cáo trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung: Không; **Về trách nhiệm dân sự:** Không.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình và Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Tịch thu tiêu hủy vật chứng là công cụ phạm tội của các Bị cáo không có giá trị gồm có: 01 (Một) ghế băng kim loại màu đen đã qua sử dụng, cao khoảng 43cm, mặt ghế hình tròn, đường kính 30cm, có 04 chân ghế bằng kim loại (*Tạm giữ của Phạm T2*); 01 (Một) chiếc búa dài khoảng 35cm có cán gỗ dài khoảng 33cm, đầu cán gỗ gắn đầu búa bằng kim loại dài khoảng 2cm, rộng 09cm (*Tạm giữ của Nguyễn Mạnh C*); 01 (Một) gậy tự chế dài khoảng 110cm, có phần tay cầm bằng kim loại dài khoảng 40cm được nối với ống nhựa dài khoảng 65cm, trên đầu ống nhựa có hai đầu kim loại dài 05cm được bọc bằng dính màu đỏ (*Tạm giữ của anh Hoàng Bá V*);

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của các Bị cáo: Lời khai nhận tội của Bị cáo Đặng Đức T, Nguyễn Văn Q, Phạm T2 và Nguyễn Mạnh C tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các Bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 21 giờ 35 phút ngày 15/9/2025, tại khu vực lòng đường, trước cửa số nhà D đường X, phường X, thành phố Hà Nội, xuất phát từ mâu thuẫn cá nhân, Đặng Đức T, Nguyễn Văn Q, Phạm T2, Nguyễn Mạnh C đã có hành vi xô xát, chửi bới, sử dụng hung khí đánh nhau. Trong đó, Đặng Đức T có hành vi sử dụng gậy tự chế có đầu gắn móc kim loại đâm về phía người Quyết; Phạm T2 có hành vi sử dụng ghế sắt đập vào đầu T; Nguyễn Văn Q có hành vi sử dụng chân tay chân không đánh T, tiếp ý chí cho T2 sau khi T bị T2 sử dụng ghế sắt đánh vào đầu, ngã ra đất vẫn tiếp tục lao vào đánh T bằng chân, tay không; Nguyễn Mạnh C có hành vi sử dụng búa có đầu bằng kim loại đánh T nhưng không trúng (*Do T đã chạy vào nhà, đóng cổng lại nên búa của C đập vào cánh cửa cổng*).

Hành vi xô xát, chửi bới, sử dụng hung khí là gây phôi quần áo, ghế bằng kim loại, búa sắt của Đặng Đức T, Nguyễn Văn Q, Phạm T2, Nguyễn Mạnh C đã gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa bàn phường X. Ngày 16/9/2025, UBND phường X có Công văn số 479/UBND-VP gửi Công an phường X đề nghị điều tra làm rõ và xử lý nghiêm các đối tượng có hành vi gây rối trật tự công cộng xảy ra ngày 15/9/2025 trên địa bàn phường.

Hành vi nêu trên của Bị cáo: Đặng Đức T, Nguyễn Văn Q, Phạm T2 và Nguyễn Mạnh C đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Gây rối trật tự công cộng*” theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Hà Nội đã truy tố các Bị cáo Đặng Đức T, Nguyễn Văn Q, Phạm T2 và Nguyễn Mạnh C về tội danh và khung hình phạt như đã viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của các Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây rối trật tự nơi công cộng, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân. Các Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, nhận thức được hậu quả xảy ra nhưng vẫn cố ý phạm tội. Vì vậy, các Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự.

[2] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các Bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo Đặng Đức T, Phạm T2 và Nguyễn Mạnh C trước khi phạm tội đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu; Bị cáo Nguyễn Văn Q có 01 tiền sự đã hết thời hiệu; Sau khi phạm tội, các Bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Các Bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn và là lao động chính trong gia đình; Gia đình Bị cáo C có công với Cách mạng nên các Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Các Bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các Bị cáo đã được phân tích ở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Các Bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng, tại phiên tòa các Bị cáo đã thật sự ăn năn hối cải về hành vi của các Bị cáo (*do bột phát không làm chủ được hành vi của bản thân nên đã vi phạm pháp luật và cam kết không tái phạm*), Hội đồng xét xử cho các Bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật, không cần thiết phải cách ly các Bị cáo ra khỏi xã hội, cho các Bị cáo được hưởng án treo, giao các Bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi các Bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục các Bị cáo trong thời gian thử thách, Gia đình các Bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các Bị cáo cũng có tác dụng giáo dục các Bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Khi lượng hình, Hội đồng xét xử xét đánh giá vai trò thực hiện hành vi phạm tội của từng Bị cáo như sau: Hành vi phạm tội của các Bị cáo là bột phát do không

làm chủ được bản thân các Bị cáo đã vi phạm pháp luật, Bị cáo C và T2 với vai trò đồng phạm giúp sức cho Bị cáo Q nên áp dụng mức hình phạt đối với Bị cáo C và T2 thấp hơn mức hình phạt áp dụng đối với Bị cáo T và Q là phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo T2 với vai trò đồng phạm tích cực nên áp dụng mức hình phạt cao hơn mức hình phạt áp dụng đối với C.

[3] Về đề nghị của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị mức hình phạt áp dụng đối với các Bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các Bị cáo và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: Không;

[5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Khoản 1, Đ1 c Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự;

Tịch thu tiêu hủy vật chứng là công cụ phạm tội của các Bị cáo không có giá trị gồm có: 01 ghế băng kim loại màu đen, đã qua sử dụng, cao khoảng 43cm, mặt ghế hình tròn, đường kính 30cm, có 04 chân ghế bằng kim loại (*Tạm giữ của Phạm T2*); 01 chiếc búa dài khoảng 35cm có cán gỗ dài khoảng 33cm, đầu cán gỗ gắn đầu búa bằng kim loại dài khoảng 2cm, rộng 09cm (*Tạm giữ của Nguyễn Mạnh C*); 01 gậy tự chế dài khoảng 110cm, có phần tay cầm bằng kim loại dài khoảng 40cm được nối với ống nhựa dài khoảng 65cm, trên đầu ống nhựa có hai đầu kim loại dài 05cm được bọc băng dính màu đỏ (*Tạm giữ của anh Hoàng Bá V*).

[6] Về trách nhiệm dân sự: Không.

[7] Về hành vi/Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các Bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi/Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về án phí: Các Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

[9] Về quyền kháng cáo: Các Bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Đặng Đức T, Nguyễn Văn Q, Phạm T2 và Nguyễn Mạnh C phạm tội: “Gây rối trật tự công cộng”;

Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 318; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Đặng Đức T 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (Sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án;

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn Q 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (Sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án;**

Xử phạt: Bị cáo **Phạm T2 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (Sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án;**

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Mạnh C 28 (Hai mươi tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 56 (Năm mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án;**

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 328 của Bộ luật tố tụng Hình sự;

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho Bị cáo Nguyễn Văn Q, Phạm T2 và Nguyễn Mạnh C, nếu các Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về một tội phạm khác (Các Bị cáo bị xử phạt tù nhưng được hưởng án treo);

Giao các Bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi các Bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục các Bị cáo trong thời gian thử thách, cụ thể như sau: Giao Bị cáo Đặng Đức T cho UBND phường X, thành phố Hà Nội; Giao Bị cáo Nguyễn Văn Q cho UBND xã T, tỉnh Phú Thọ; Giao Bị cáo Phạm T2 cho UBND xã Đ, thành phố H; Giao Bị cáo Nguyễn Mạnh C cho UBND xã L, tỉnh Lào Cai;

Gia đình các Bị cáo được hưởng án treo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các Bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự;

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Khoản 1, Đ1 c Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự;

Tịch thu tiêu hủy vật chứng là công cụ phạm tội của các Bị cáo không có giá trị gồm có: 01 (Một) ghế băng kim loại màu đen đã qua sử dụng, cao khoảng 43cm, mặt ghế hình tròn, đường kính 30cm, có 04 chân ghế bằng kim loại; 01 (Một) chiếc búa dài khoảng 35cm có cán gỗ dài khoảng 33cm, đầu cán gỗ gắn đầu búa bằng kim loại dài khoảng 2cm, rộng 09cm; 01 (Một) gậy tự chế dài khoảng 110cm, có phần tay cầm bằng kim loại dài khoảng 40cm được nối với ống nhựa dài khoảng 65cm, trên đầu ống nhựa có hai đầu kim loại dài 05cm được bọc bằng dính màu đỏ (Có đặc điểm theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số: 463 ngày 27/5/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 - Hà Nội)

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 136, Khoản 1, 4 Điều 331, Khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về án phí: Bị cáo Đặng Đức T, Nguyễn Văn Q, Phạm T2 và Nguyễn Mạnh C, mỗi Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND Q.Nam Từ Liêm;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Công an Q.Nam Từ Liêm;
- TT lý lịch-Sở Tư pháp TP.Hà Nội;
- Chi cục THADS Q.Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS TAND quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS - VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lệ Thủy